

Bewerbung

Anschreiben

Anschreiben - Einleitung

Thai

เรียน คุณผู้ชาย

Formell, männlicher Empfänger, Name unbekannt

Vietnamesisch

Thưa ông,

เรียน คุณผู้หญิง

Formell, weibliche Empfängerin, Name unbekannt

Thưa bà,

เรียนคุณผู้ชาย/คุณผู้หญิง

Formell, Name und Geschlecht des Empfängers unbekannt

Thưa ông/bà,

เรียน ท่านทั้งหลาย

Formell, eine Gruppe von unbekanntem Menschen oder eine Abteilung wird adressiert

Thưa các ông bà,

ถึงท่านไม่ทราบชื่อ

Formell, Name und Geschlecht des Empfängers völlig unbekannt

Thưa ông/bà,

เรียน คุณสมิทธิ์

Formell, männlicher Empfänger, Name bekannt

Kính gửi ông Nguyễn Văn A,

เรียนคุณ สมิทธิ์

Formell, weibliche Empfängerin, verheiratet, Name bekannt

Kính gửi bà Trần Thị B,

เรียน นางสาว สมิทธิ์

Formell, weibliche Empfängerin, ledig, Name bekannt

Kính gửi bà Trần Thị B,

เรียน คุณสมิทธิ์

Formell, weibliche Empfängerin, Familienstand unbekannt, Name bekannt

Kính gửi bà Trần Thị B,

เรียน คุณจอห์น สมิทธิ์

Weniger formell, man hat bereits Geschäfte mit dem Empfänger gemacht

Gửi ông (Nguyễn Văn) A,

ฉันต้องการสมัครในตำแหน่ง..ที่คุณได้ประกาศโฆษณาเอาไว้ใน...ที่...

Standardsatz für eine Bewerbung aufgrund einer Anzeige in einer Zeitung oder einer Zeitschrift

Tôi viết thư này để ứng tuyển vào vị trí... được quảng cáo trên... vào ngày...

ฉันเขียนมาเพื่อตอบโฆษณาที่คุณได้เขียนเอาไว้ใน...

Standardsatz für eine Bewerbung aufgrund einer Anzeige im Internet

Tôi xin liên hệ với ông/bà về vị trí... được quảng cáo vào ngày...

Bewerbung Anschreiben

ฉันอ้างอิงไปถึงโฆษณาของคุณ...วันที่...

Tôi xin phép liên hệ về quảng cáo tuyển dụng của ông/bà trên... đăng ngày...

Standardsatz zur Erklärung, wo man die Anzeige gefunden hat

ฉันเห็นโฆษณาของคุณสำหรับผู้ที่มีการประกอบอาชีพในเรื่องของ...

Qua tạp chí/tập san... số..., tôi được biết công ty ông/bà đang tuyển nhân sự cho vị trí... mà tôi rất quan tâm.

Standardsatz für eine Bewerbung aufgrund einer Anzeige in einer Zeitschrift oder einem Fachmagazin

ฉันยินดีที่จะสมัครงานในตำแหน่งที่ได้มีการโฆษณาเอาไว้

Tôi rất vinh hạnh được ứng tuyển vị trí... mà công ty ông/bà đang quảng cáo.

Standardsatz bei Bewerbung für eine Stelle

ฉันต้องการยื่นสมัครงานในตำแหน่ง...

Tôi muốn được ứng tuyển vào vị trí...

Standardsatz bei Bewerbung für eine Stelle

ในตอนนี้นั้นฉันกำลังทำงานให้...หน้าที่รับผิดชอบของฉันประกอบไปด้วย...

Hiện nay tôi đang làm việc tại..., và công việc của tôi bao gồm...

Einführungssatz zur Beschreibung der aktuellen Tätigkeit

Anschreiben - Begründung

Thai

ฉันสนใจงานเหล่านี้เป็นพิเศษ...

Begründung für das Interesse an einer bestimmten Stelle

Vietnamesisch

Tôi rất quan tâm tới công việc này vì...

ฉันต้องการทำงานให้คุณเพื่อ...

Begründung für das Interesse an einer bestimmten Stelle

Tôi muốn được làm việc tại công ty của ông/bà để...

จุดแข็งของฉันคือ...

Beschreibung der zentralen eigenen Eigenschaften

Các thế mạnh của tôi là...

ฉันต้องการจะบอกว่าจุดอ่อนของฉันคือ... แต่ฉันก็หวังว่าจะสามารถพัฒนาข้อเหล่านั้นได้

Beschreibung der eigenen Schwächen, verbunden mit der Entschlossenheit, diese zu verbessern

Một (số) điểm yếu của tôi là... Nhưng tôi luôn cố gắng không ngừng để khắc phục những mặt hạn chế này.

ฉันเหมาะสมกับตำแหน่งนี้เป็นอย่างมากเพราะ...

Begründung, warum man ein geeigneter Kandidat für eine Stelle ist

Tôi cảm thấy mình phù hợp với vị trí này bởi vì...

Bewerbung

Anschreiben

ถึงแม้ว่าฉันจะไม่มีประสบการณ์ใน...แต่ฉันเคยทำ...

Mặc dù chưa từng có kinh nghiệm làm việc trong..., tôi đã từng...

Erläuterung, dass man in einem bestimmten Geschäftsbereich bislang nicht gearbeitet hat, dafür aber andere Arbeitserfahrungen vorweisen kann

คุณสมบัติและทักษะของฉันนั้นเหมาะสมสำหรับเกณฑ์ของ
บริษัทคุณเป็นอย่างมาก

**Trình độ/Kĩ năng chuyên môn của tôi rất phù hợp với
các yêu cầu mà công việc ở Quý công ty đề ra.**

Beschreibung der eigenen Fähigkeiten, die einen für die Stelle geeignet erscheinen lassen

ในตอนนั้นที่ฉันทำงานเป็น...
ฉันได้พัฒนาความรู้ของฉันในด้านของ...

**Khi làm việc ở vị trí..., tôi đã học/tích lũy/mở rộng kiến
thức của mình về lĩnh vực...**

Beschreibung der eigenen Erfahrung in einem bestimmten Bereich und des Willens, neue Fähigkeiten zu erlernen

สิ่งที่ฉันถนัดคือ...

Chuyên ngành của tôi là...

Beschreibung des Arbeitsbereichs mit den meisten Kenntnissen und Erfahrungen

ระหว่างตอนที่ทำงานอยู่ที่...ฉันมีความสามารถเป็นอย่างมาก
ในเรื่องของ...

**Khi còn làm việc tại..., tôi đã trau dồi kiến thức và kĩ
năng...**

Beschreibung der eigenen Erfahrung in einem bestimmten Bereich und des Willens, neue Fähigkeiten zu erlernen

ถึงแม้ว่าจะต้องทำงานในสภาวะกดดันแต่ฉันก็ไม่ละเลยความ
ถูกต้องของงานและเหมาะสมเป็นอย่างมากในการทำงานใน
ฐานะ...

**Kể cả khi làm việc với cường độ cao, tôi không bao giờ
xem nhẹ hiệu quả công việc, và vì thế tôi cảm thấy mình
rất phù hợp với nhu cầu của vị trí...**

Beschreibung der eigenen Eignung für die Stelle auf Basis der früheren Arbeitserfahrung

ถึงแม้ว่าต้องทำงานท่ามกลางความกดดัน
ฉันก็สามารถทำงานได้อย่างมีประสิทธิภาพ

**Kể cả khi làm việc dưới áp lực, kết quả công việc của tôi
vẫn luôn đạt yêu cầu.**

Beschreibung der Fähigkeit, in einem anspruchsvollen beruflichen Umfeld zu arbeiten

และดังนั้นฉันต้องขอใช้โอกาสนี้ในการรวบรวมความสนใจ
ทั้งหมดไว้ในตำแหน่งนี้

**Và vì vậy, tôi rất muốn có được cơ hội để kết hợp giữa
đáp ứng mối quan tâm cá nhân của mình và đảm nhận
công việc này.**

Erläuterung des persönlichen Interesses an der Stelle

ฉันมีความสนใจอย่างมากเกี่ยวกับ...และซาบซึ้งใจกับโอกา
สนี้เป็นอย่างมาก นอกจากนี้การที่ฉันได้ร่วมงานกับคุณนั้น
ยังเป็นการเสริมสร้างความรู้ของตัวเองอีกด้วย

**Tôi rất quan tâm tới... và muốn được trao cơ hội để mở
rộng kiến thức của mình khi làm việc tại Quý công ty.**

Erläuterung des persönlichen Interesses an der Stelle

Bewerbung

Anschreiben

คุณคงเห็นจากประวัติส่วนตัวที่ฉันแนบเอาไว้ให้ ประสบการณ์การทำงานและคุณสมบัติของฉันนั้นเหมาะสมกับตำแหน่งที่คุณเปิดรับ

Hervorhebung des Lebenslaufs und Betonung, wie gut die Stelle zu einem passt

Như ông/bà có thể thấy trong hồ sơ tôi đính kèm, kinh nghiệm và khả năng chuyên môn của tôi rất phù hợp với các yêu cầu mà vị trí này đề ra.

ตำแหน่งปัจจุบันของฉันในฐานะของ...ได้เปิดโอกาสแก่ฉันมากมายในการทำงานภายใต้สภาวะกดดัน สภาพแวดล้อมแบบการทำงานร่วมกันเป็นทีม ซึ่งเป็นสิ่งที่จำเป็นเป็นอย่างมากในการทำงานร่วมกับเพื่อนร่วมงานคนอื่น ๆ

Beschreibung der Fähigkeiten, die man in der derzeitigen Stelle erworben hat

Là... tại công ty..., tôi có cơ hội làm việc theo nhóm trong một môi trường áp lực cao. Nhờ vậy tôi đã rèn luyện được khả năng phối hợp với đồng đội và hoàn thành công việc đúng tiến độ.

นอกจากนี้ในความรับผิดชอบของฉันในฐานะ...ฉันได้พัฒนาทักษะของ...

Beschreibung von zusätzlichen Fähigkeiten, die man in der derzeitigen Stelle erworben hat und die nicht aus dem derzeitigen Berufstitel hervorgehen

Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ của vị trí..., tôi còn có cơ hội rèn luyện các kĩ năng...

Anschreiben - Fähigkeiten

Thai

ฉันเป็นเจ้าของภาษา...แต่ฉันสามารถพูด...ได้

Beschreibung der Muttersprache sowie weiterer Sprachen, die man spricht

Vietnamesisch

Tiếng bản ngữ của tôi là..., và tôi còn có thể sử dụng tiếng...

ฉันมีความสามารถในการ...เป็นอย่างมาก

Beschreibung von Fremdsprachen, die man auf einem hohen Niveau beherrscht

Tôi có khả năng sử dụng... thành thạo.

ฉันมีความรู้ในการทำงานในด้านของ...

Beschreibung von Fremdsprachen, die man auf einem mittleren Niveau beherrscht

Tôi có thể sử dụng... ở mức khá.

ฉันมีประสบการณ์ในการทำงานทั้งหมด...ปี

Beschreibung der eigenen Erfahrung in einem bestimmten Geschäftsfeld

Tôi có... năm kinh nghiệm trong...

ฉันเป็นผู้มีประสบการณ์ในการใช้...

Beschreibung der Computerkenntnisse

Tôi có thể sử dụng thành thạo...

ฉันเชื่อว่าฉันมีความสามารถในการ...และ...

Beschreibung der Ausgewogenheit der eigenen Fähigkeiten

Tôi có khả năng... và...

ทักษะในการติดต่อที่ยอดเยี่ยม

Kĩ năng giao tiếp tốt

Fähigkeit zum Austausch von Informationen und Erklärung von Dingen

การให้เหตุผลแบบฉับพลัน

Khả năng suy diễn, lý luận

Fähigkeit zum schnellen Verstehen und erfolgreichen Erklären von Dingen

ความคิดอย่างเป็นตรรกะ

Khả năng suy nghĩ logic

Fähigkeit, eigene Ideen präzise und durchdacht zu ersinnen

ทักษะในการวิเคราะห์

Kĩ năng phân tích

Fähigkeit, Dinge im Detail zu bewerten

ทักษะในการติดต่อสื่อสารที่ดี

Kĩ năng ứng xử và tạo lập quan hệ

Fähigkeit, erfolgreich mit Kollegen zu arbeiten und zu kommunizieren

ทักษะการเจรจาต่อรอง

Kĩ năng thương lượng

Fähigkeit, mit anderen Unternehmen erfolgreich Geschäfte zu machen

ทักษะในการนำเสนอ

Kĩ năng thuyết trình

Fähigkeit, Ideen einer großen Gruppe erfolgreich zu kommunizieren

Anschreiben - Schluss

Thai

ฉันรู้สึกดีเป็นอย่างมากและตั้งหน้าตั้งตารอในการทำงานที่คุณมอบหมายให้ฉันที่บริษัทของคุณ

Schluss, zugleich Wiederholung des Wunsches, für das Unternehmen zu arbeiten

ฉันเห็นตำแหน่งใหม่ที่คุณเปิดรับเป็นการท้าทายที่ฉันตั้งหน้าตั้งตารอ

Schluss, zugleich Wiederholung des Wunsches, für das Unternehmen zu arbeiten

ฉันยินดีที่จะมาพูดคุยกับคุณเกี่ยวกับรายละเอียดเพิ่มเติมในการทำงานในบริษัทของคุณ

Schluss, zugleich Hinweis auf die Möglichkeit eines Interviews

กรุณาดูประวัติส่วนตัวที่ได้แนบไว้ข้างต้น

Xin vui lòng xem résumé/CV đính kèm để biết thêm thông tin chi tiết.

Standardsatz mit dem Hinweis auf den beigefügten Lebenslauf

Bewerbung Anschreiben

ฉันสามารถแนบอ้างอิงไว้ได้จาก...ถ้าต้องการ
Standardsatz mit dem Hinweis auf Zeugnisse

Nếu cần, tôi sẵn lòng cung cấp thư giới thiệu từ...

แหล่งอ้างอิงสามารถขอได้จาก...
Hinweis auf Zeugnisse und Kontaktpersonen

Nếu ông/bà muốn tìm hiểu thêm, vui lòng liên hệ với người giới thiệu của tôi...

ฉันว่างสำหรับการสัมภาษณ์ตอน...
Hinweis, dass man für ein Vorstellungsgespräch verfügbar ist

Tôi có thể sắp xếp thời gian để được phỏng vấn vào...

ขอบคุณสำหรับเวลาและการพิจารณาของคุณ ฉันหวังว่าในอนาคตจะมีโอกาสอธิบายว่าทำไมฉันจึงเหมาะสมกับตำแหน่งนี้ กรุณาติดต่อฉันผ่าน...

Cảm ơn ông/bà đã dành thời gian xem xét đơn ứng tuyển của tôi. Tôi rất mong có cơ hội được trao đổi trực tiếp với ông bà để thể hiện sự quan tâm và khả năng phục vụ vị trí này. Xin ông/bà vui lòng liên hệ với tôi qua...

Hinweis auf die bevorzugten Kontaktinformationen und Dank für die Durchsicht der Bewerbung

ด้วยความเคารพ
Formell, Name des Empfängers unbekannt

Kính thư,

ด้วยความเคารพ
Formell, sehr gebräuchlich, Name des Empfängers bekannt

Trân trọng,

ด้วยความเคารพ
Formell, nicht sehr gebräuchlich, Name des Empfängers bekannt

Kính thư,

ด้วยความเคารพ
Informell, Geschäftspartner duzen sich

Thân ái,